



CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM MÔN KTCT

Kinh tế chính trị Mác - Lênin (Đại học Tôn Đức Thắng)

CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM MÔN KTCT

CHƯƠNG 1:

Câu 1: Kinh tế chính trị Mác - Lênin đã kế thừa và phát triển trực tiếp những thành tựu của:

- a. Chủ nghĩa trọng thương
- b. Chủ nghĩa trọng nông
- c. Kinh tế chính trị cổ điển Anh**
- d. Kinh tế chính trị tầm thường

Câu 2: Đối tượng nghiên cứu của kinh tế chính trị Mác - Lênin là gì?

- a. Sản xuất của cải vật chất
- b. Quan hệ xã hội giữa người với người
- c. Quan hệ sản xuất trong mối quan hệ tác động qua lại với lực lượng sản xuất và kiến trúc thượng tầng tương ứng.**
- d. Quá trình sản xuất, phân phối, trao đổi và tiêu dùng.

Câu 3: Ai là người được coi là nhà kinh tế thời kỳ công trường thủ công?

- a. A. Smith**
- b. D. Ricardo
- c. W. Petty
- d. R.T.Mathus

Câu 4: Ai là người được coi là sáng lập ra kinh tế chính trị tư sản cổ điển?

- a. Smith
- b. D. Ricardo
- c. W. Petty**
- d. R.T.Mathus

Câu 5: Học thuyết kinh tế nào của C. Mác được coi là hòn đá tảng trong toàn bộ hệ thống lý luận kinh tế chính trị Mác - Lênin?

- a. Học thuyết giá trị
- b. Học thuyết giá trị thặng dư**
- c. Học thuyết tích lũy tư sản
- d. Học thuyết tái sản xuất tư bản xã hội

Câu 6: Để nghiên cứu kinh tế chính trị Mác - Lênin có thể sử dụng nhiều phương pháp, phương pháp nào quan trọng nhất?

- a. Trừu tượng hóa khoa học**
- b. Phân tích và tổng hợp
- c. Mô hình hóa
- d. Điều tra thống kê

Câu 7: Hoạt động nào của con người được coi là cơ bản nhất và là cơ sở của đời sống xã hội?

- a. Hoạt động chính trị - xã hội
- b. Hoạt động sản xuất của cải vật chất**
- c. Hoạt động khoa học
- d. Hoạt động giáo dục, đào tạo

Câu 8: Phương thức sản xuất là sự thống nhất của:

- a. Tồn tại xã hội và ý thức xã hội
- b. Cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng
- c. Lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất**
- d. Cơ cấu kinh tế và kết cấu giai cấp xã hội

Câu 9: Quan hệ nào giữ vai trò quyết định trong quan hệ sản xuất?

- a. **Quan hệ sở hữu về tư liệu sản xuất**
- b. Quan hệ phân phối sản phẩm
- c. Quan hệ tổ chức quản lý
- d. Không quan hệ nào quyết định

Câu 10: Trong thời đại ngày nay, lực lượng sản xuất bao gồm các yếu tố nào?

- a. Người lao động
- b. Tư liệu sản xuất
- c. Khoa học công nghệ
- d. **Cả a,b, c**

Chương 2:

Câu 1: Vì sao hàng hóa có hai thuộc tính là giá trị và giá trị sử dụng?

- a. **Vì lao động sản xuất hàng hóa có tính chất hai mặt**
- b. Vì có hai loại lao động là lao động trừu tượng và lao động cụ thể
- c. Vì hàng hóa được trao đổi trên thị trường.
- d. Vì hàng hóa là sản phẩm lao động của con người

Câu 2: Chọn câu trả lời đúng. Quy luật giá trị có nội dung gì?

- a. Sản xuất và lưu thông hàng hóa phải dựa trên cơ sở hao phí lao động xã hội cần thiết, lưu thông hàng hóa phải dựa trên nguyên tắc ngang giá
- b. **Sản xuất và lưu thông hàng hóa phải dựa trên cơ sở hao phí lao động xã hội cần thiết**
- c. Lưu thông hàng hóa phải dựa trên nguyên tắc ngang giá
- d. Lưu thông hàng hóa phải dựa trên cung – cầu và dựa trên nguyên tắc ngang giá

Câu 3: Giá cả hàng hóa là:

- a. Giá trị của hàng hóa
- b. Quan hệ về lượng giữa tiền và hàng
- c. Tổng của chi phí sản xuất và lợi nhuận
- d. Biểu hiện bằng tiền của giá trị hàng hóa**

Câu 4: Giá trị hàng hóa được hiểu như thế nào?

- a. Lao động xã hội của người sản xuất hàng hóa kết tinh trong hàng hóa**
- b. Là trình độ chuyên môn của người lao động
- c. Chi phí sản xuất
- d. Chi phí tiêu dùng

Câu 5: Sản xuất hàng hóa tồn tại:

- a. Trong mọi xã hội
- b. Trong chế độ nô lệ, phong kiến, tư bản chủ nghĩa**
- c. Trong các xã hội có phân công lao động xã hội và sự tách biệt về kinh tế giữa những người sản xuất**
- d. Chỉ có trong chủ nghĩa tư bản

Câu 6: Quy luật kinh tế cơ bản của sản xuất hàng hóa là quy luật nào?

- a. Quy luật cung-cầu
- b. Quy luật cạnh tranh**
- c. Quy luật giá trị**
- d. Quy luật phá sản

Câu 7: Khi tăng cường độ lao động sẽ xảy ra các trường hợp sau đây.
Trường hợp nào dưới đây là đúng ?

- a. **Số lượng hàng hóa làm ra trong một đơn vị thời gian tăng**
- b. Số lượng lao động hao phí trong thời gian đó không đổi
- c. Giá trị một đơn vị hàng hóa tăng lên
- d. Cả a,b,c đúng

Câu 8: Quy luật giá trị biểu hiện sự vận động thông qua sự vận động của :

- a. **Giá cả hàng hóa**
- b. Giá cả độc quyền
- c. Giá cả sản xuất
- d. Cả a,b,c đúng

Câu 9: Khi năng suất lao động tăng lên, giá trị một đơn vị sản phẩm sẽ :

- a. Không đổi.
- b. Tăng.
- c. **Giảm.**
- d. a và c đúng.

Câu 10: Nhân tố nào ảnh hưởng đến lượng giá trị hàng hóa ?

- a. **Năng suất lao động**
- b. Các điều kiện tự nhiên
- c. Cường độ lao động
- d. Cả a,b,c

Chương 3:

Câu 1: Tỷ suất giá trị thặng dư phản ánh điều gì ?

- a. Hiệu quả của tư bản
- b. Chỉ cho nhà tư bản biết nơi đầu tư có lợi
- c. **Trình độ bóc lột của nhà tư bản đối với công nhân làm thuê**
- d. Hiệu quả kinh tế

Câu 2: Giá trị thặng dư là gì ?

- a. Lợi nhuận thu được của người sản xuất kinh doanh
- b. Giá trị của tư bản tăng lên
- c. **Phần giá trị mới dôi ra ngoài giá trị sức lao động do công nhân làm thuê tạo ra**
- d. Hiệu số giữa giá trị hàng hóa và chi phí sản xuất tư bản chủ nghĩa

Câu 3: Cơ sở chung của giá trị thặng dư tương đối và giá trị thặng dư siêu ngạch :

- a. Tăng năng suất lao động cá biệt
- b. **Tăng năng suất lao động**
- c. Tăng năng suất lao động xã hội
- d. Giảm giá trị sức lao động

Câu 4: Phương pháp sản xuất giá trị thặng dư tuyệt đối là:

- a. Sử dụng kỹ thuật tiên tiến, cải tiến tổ chức quản lý
- b. Tiết kiệm chi phí sản xuất
- c. **Kéo dài thời gian của ngày lao động còn thời gian lao động cần thiết không đổi**
- d. Tăng năng suất lao động

Câu 5: Nhân tố nào dưới đây không ảnh hưởng đến tỷ suất lợi nhuận ?

- a. **Cạnh tranh**
- b. Tỷ suất giá trị thặng dư
- c. Cấu tạo hữu cơ của tư bản
- d. Tốc độ chu chuyển của tư bản

Câu 6: Kết quả cạnh tranh trong nội bộ ngành :

- a. Hình thành giá cả sản xuất
- b. Hình thành tỷ suất lợi nhuận bình quân
- c. **Hình thành giá trị thị trường**
- d. Hình thành lợi nhuận bình quân

Câu 7: Sự phân chia giá trị thặng dư giữa tư bản công nghiệp và tư bản thương nghiệp dựa vào đâu ?

- a. Khối lượng giá trị thặng dư
- b. Tỷ suất lợi nhuận
- c. Tỷ suất giá trị thặng dư
- d. **Tỷ suất lợi nhuận bình quân**

Câu 8: Khối lượng giá trị thặng dư phản ánh điều gì ?

- a. Hiệu quả của tư bản
- b. Chỉ cho nhà tư bản biết nơi đầu tư có lợi
- c. Trình độ bóc lột của nhà tư bản đối với công nhân làm thuê
- d. **Quy mô bóc lột của tư bản đối với lao động làm thuê**

Câu 9: Hãy cho biết biện pháp cơ bản để có giá trị thặng dư siêu ngạch?

- a. **Tăng năng suất lao động cá biệt cao hơn năng suất lao động xã hội.**
- b. Vừa kéo dài ngày lao động vừa tăng năng suất lao động cá biệt.
- c. Tăng năng suất lao động xã hội.
- d. Tăng cường độ lao động.

Câu 10: Biểu hiện về mặt xã hội của mâu thuẫn giữa tính chất xã hội hóa của lực lượng sản xuất với quan hệ chiếm hữu tư nhân tư bản chủ nghĩa về tư liệu sản xuất trong xã hội tư bản là gì ?

- a. **Mâu thuẫn giữa giai cấp công nhân và giai cấp tư sản**
- b. Mâu thuẫn giữa các nhà nước tư bản với nhau
- c. Mâu thuẫn giữa giai cấp tư sản với giai cấp nông dân

d. Mâu thuẫn giữa các nhà tư bản độc quyền

Chương 4:

Câu 1: CNTB độc quyền là ?

- a. Một phương thức sản xuất mới
- b. **Một giai đoạn phát triển của PTSX TBCN**
- c. Một hình thức kinh tế xã hội
- d. Một nấc thang phát triển của LLSX

Câu 2: Xuất khẩu tư bản là:

- a. Đầu tư trực tiếp ra nước ngoài
- b. Cho nước ngoài vay
- c. Mang hàng hóa ra nước ngoài để thực hiện giá trị
- d. **Cả a và b**

Câu 3: Chủ nghĩa tư bản phát triển qua các giai đoạn nào?

- a. **Chủ nghĩa tự do cạnh tranh và chủ nghĩa tư bản độc quyền**
- b. Chủ nghĩa tư bản độc quyền và chủ nghĩa đế quốc
- c. Chủ nghĩa đế quốc và chủ nghĩa kinh nghiệm
- d. Chủ nghĩa tư bản bất biến và chủ nghĩa tư bản khả biến

Câu 4: Cơ chế kinh tế của CNTB độc quyền nhà nước gồm :

- a. Cơ chế thị trường và độc quyền tư nhân
- b. Độc quyền tư nhân và sự điều tiết của nhà nước
- c. **Cơ chế thị trường, độc quyền tư nhân và sự can thiệp của nhà nước**
- d. Cơ chế thị trường và sự điều tiết của nhà nước

Câu 5: Trong giai đoạn CNTB tự do cạnh tranh quy luật giá trị thặng dư biểu hiện thành:

- a. Quy luật giá cả sản xuất
- b. **Quy luật tỷ suất lợi nhuận bình quân**
- c. Quy luật tỷ suất lợi nhuận độc quyền cao
- d. Quy luật tích lũy tư bản

Câu 6: Trong CNTB độc quyền, quy luật giá trị có hình thức biểu hiện là gì ?

- a. **Qui luật giá cả độc quyền**
- b. Qui luật giá cả sản xuất
- c. Qui luật lợi nhuận độc quyền
- d. Qui luật lợi nhuận bình quân

Câu 7: Nhân tố nào dưới đây không ảnh hưởng đến tỷ suất lợi nhuận ?

- a. **Cạnh tranh**
- b. Tỷ suất giá trị thặng dư
- c. Cấu tạo hữu cơ của tư bản
- d. Tốc độ chu chuyển của tư bản

Câu 8: Nhà kinh điển nào sau đây nghiên cứu sâu về CNTB độc quyền ?

- a. C.Mác
- b. **V.I.Lênin**
- c. C.Mác và Ăngghen
- d. Ph.Ăngghen

Câu 9: Kết quả cạnh tranh trong nội bộ ngành :

- a. Hình thành giá cả sản xuất
- b. Hình thành tỷ suất lợi nhuận bình quân
- c. **Hình thành giá trị thị trường**
- d. Hình thành lợi nhuận bình quân

Câu 10: CNTB độc quyền xuất hiện vào thời kỳ lịch sử nào ?

- a. Từ sau chiến tranh thế giới thứ hai
- b. Cuối thế kỷ XVII đến đầu thế kỷ XIX
- c. Cuối thế kỷ XVIII đến đầu XIX
- d. **Cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX**

Chương 5:

Câu 1: Hiện nay ở Việt Nam, nhà nước sử dụng các công cụ gì để điều tiết vĩ mô kinh tế thị trường?

- a. Hệ thống pháp luật
- b. Kế hoạch hóa

- c. Lực lượng kinh tế của nhà nước, chính sách tài chính, tiền tệ, các công cụ điều tiết kinh tế đối ngoại

d. Cả a,b,c

Câu 2: Các công cụ để nhà nước điều tiết hoạt động kinh tế đối ngoại là:

- a. Thuế xuất nhập khẩu
- b. Đảm bảo tín dụng xuất khẩu, trợ cấp xuất khẩu
- c. Tỷ giá hối đoái, hạn ngạch

d. Cả a,b,c

Câu 3: Xác định các câu trả lời đúng về sự điều tiết vĩ mô của nhà nước là nhằm:

- a. Hạn chế tác động tiêu cực của cơ chế thị trường
- b. Phát huy tác động tích cực của cơ chế thị trường
- c. Đảm bảo cho nền kinh tế hoạt động có hiệu quả

d. Cả a,b,c

Câu 4: Yếu tố nào là chủ yếu nhất trong tổng thu của ngân sách nhà nước?

- a. Các khoản thu từ kinh tế nhà nước
- b. Các khoản đóng góp của các tổ chức và cá nhân

c. Các khoản thu từ thuế

- d. Các nguồn viện trợ, tại trợ

Câu 5: Cơ cấu lợi ích trong thành phần kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài là:

- a. Lợi ích nhà nước, lợi ích tập thể, lợi ích cá nhân
- b. Lợi ích tập thể, lợi ích xã hội, lợi ích cá nhân

c. Lợi ích của chủ đầu tư nước ngoài, lợi ích nhà nước, lợi ích người lao động

- d. Lợi ích doanh nghiệp, lợi ích xã hội, lợi ích cá nhân

Câu 6: Quan hệ nào có vai trò quyết định đến phân phối?

a. Quan hệ sở hữu TLSX

- b. Quan hệ tổ chức quản lý
- c. Quan hệ xã hội, đạo đức
- d. Cả a,b,c

Câu 7: Trong thời kỳ quá độ ở nước ta tồn tại nhiều nguyên tắc phân phối.
Vì trong thời kỳ quá độ còn:

- a. Nhiều hình thức sở hữu TLSX
- b. Nhiều hình thức kinh doanh
- c. Nhiều thành phần kinh tế
- d. Cả a,b,c**

Câu 8: Phân phối theo lao động căn cứ vào số lượng, chất lượng lao động làm cơ sở. Chất lượng lao động biểu hiện ở đâu?

- a. Thời gian lao động
- b. Cường độ lao động
- c. Năng suất lao động**
- d. Cả a,b,c

Câu 9: Mô hình kinh tế trong thời kỳ quá độ ở nước ta là:

- a. Kinh tế thị trường có sự quản lý của nhà nước
- b. Kinh tế nhiều thành phần theo định hướng XHCN
- c. Kinh tế thị trường định hướng XHCN**
- d. Kinh tế nhiều thành phần có sự quản lý của nhà nước

Câu 10: Phân phối theo lao động là nguyên tắc cơ bản, áp dụng cho:

- a. Thành phần kinh tế nhà nước
- b. Thành phần kinh tế nhà nước, kinh tế tập thể và kinh tế tư bản nhà nước
- c. Cho tất cả các thành phần kinh tế trong thời kỳ quá độ**
- d. Chỉ áp dụng cho thành phần kinh tế dựa trên sở hữu công về TLSX.

Chương 6:

Câu 1: Cách mạng công nghiệp ở Anh bắt đầu từ khi nào?

- a. Từ đầu thế kỉ XVII
- b. Từ giữa thế kỉ XVII
- c. Từ những năm 60 của thế kỉ XVIII
- d. Từ những năm 70 của thế kỉ XVIII**

Câu 2: Năm 1784, Giêm Oát đã

- a. Sáng chế ra máy kéo sợi Gienni
- b. Phát minh ra máy hơi nước**
- c. Chế tạo thành công đầu máy xe lửa
- d. Xây dựng đoạn đường sắt đầu tiên

Câu 3: Đại hội nào của Đảng đề ra chủ trương” chủ động và tích cực hội nhập kinh tế quốc tế”?

- a. Đại hội VII
- b. Đại hội VIII
- c. Đại hội IX
- d. Đại hội X**

Câu 4: Việt Nam được kết nạp làm thành viên thứ 150 của Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO) vào năm nào?

- a. Năm 2005
- b. Năm 2006**
- c. Năm 2007.
- d. Năm 2008

Câu 5: Việt Nam bình thường hóa quan hệ với Hoa Kỳ vào năm nào?

- a. Năm 1992
- b. Năm 1993
- c. Năm 1994
- d. Năm 1995**

Câu 6: Đại hội nào của Đảng đề ra chủ trương” chủ động và tích cực hội nhập quốc tế”?

- a. Đại hội VIII
- b. Đại hội IX
- c. Đại hội X
- d. Đại hội XI**

Câu 7: Cách mạng công nghiệp lần thứ hai diễn ra vào thời gian nào?

- a. Từ cuối thế kỷ XVIII đến đầu thế kỷ XIX
- b. Từ cuối thế kỷ XIX đến đầu thế kỷ XX**

- c. Từ đầu thế kỷ XX đến cuối thế kỷ XX
- d. Từ giữa thế kỷ XX đến đầu thế kỷ XXI

Câu 8: Đặc trưng cơ bản của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 3

- a. Sử dụng công nghệ thông tin để tự động hóa sản xuất**
- b. Sử dụng năng lượng điện và động cơ điện để tạo ra các dây chuyền sản xuất có tính chuyên môn hóa
- c. Chuyển lao động sử dụng thủ công sang lao động sử dụng máy móc
- d. Cách mạng số gắn với sự phát triển của internet kết nối vạn vật

Câu 9: Nội dung cơ bản của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4 được xác định là:

- a. Về vật lý với công nghệ nổi bật in 3D
- b. Về công nghệ số với những công nghệ nổi bật là Internet kết nối vạn vật, dữ liệu lớn, trí thông minh nhân tạo
- c. Về công nghệ sinh học với công nghệ nổi bật là gen và tế bào
- d. Cả a,b,c**

Câu 10: Vai trò cơ bản của các cuộc cách mạng công nghiệp trong lịch sử:

- a. Thúc đẩy sự phát triển của lực lượng sản xuất
- b. Thúc đẩy hoàn thiện quan hệ sản xuất
- c. Thúc đẩy đổi mới phương thức quản trị phát triển
- d. Cả a,b,c**

311. Vì sao hàng hóa có hai thuộc tính là giá trị và giá trị sử dụng?

- a. Vì lao động sản xuất hàng hóa có tính chất hai mặt**
- b. Vì có hai loại lao động là lao động trừu tượng và lao động cụ thể
- c. Vì hàng hóa được trao đổi trên thị trường.
- d. Vì hàng hóa là sản phẩm lao động của con người

312. Học thuyết kinh tế nào của Mác được coi là hòn đá tảng ?

- a. Học thuyết giá trị lao động
 - b. Học thuyết giá trị thặng dư**
 - c. Học thuyết tích lũy tư bản
 - d. Học thuyết tái sản xuất tư bản xã hội
313. C.Mác đã dựa vào học thuyết nào để vạch rõ bản chất bóc lột của xã hội tư bản:
- a. Học thuyết chủ nghĩa duy vật lịch sử.
 - b. Học thuyết giá trị thặng dư.**
 - c. Học thuyết hình thái kinh tế - xã hội.
 - d. a và b đều đúng.
314. Cơ sở vật chất của CNTB là gì ? Chọn câu trả lời đúng :
- a. Công trường thủ công
 - b. Nền đại công nghiệp cơ khí**
 - c. Cuộc cách mạng công nghiệp
 - d. Trình độ sản xuất máy móc, cơ khí hóa
315. Chọn câu trả lời đúng. Điều kiện tất yếu để sức lao động trở thành hàng hóa là:
- a. Người lao động tự nguyện đi làm thuê
 - b. Người lao động được tự do về thân thể
 - c. Người lao động hoàn toàn không có TLSX và của cải gì
 - d. Cả b và c**
316. Chọn câu trả lời đúng. Qui luật giá trị có yêu cầu gì?
- a. Sản xuất và lưu thông hàng hóa phải dựa trên cơ sở hao phí lao động xã hội cần thiết, lưu thông hàng hóa phải dựa trên nguyên tắc ngang giá
 - b. Sản xuất và lưu thông hàng hóa phải dựa trên cơ sở hao phí lao động xã hội cần thiết**
 - c. Lưu thông hàng hóa phải dựa trên nguyên tắc ngang giá
 - d. Lưu thông hàng hóa phải dựa trên cung – cầu và dựa trên nguyên tắc ngang giá
317. Lao động sản xuất có vai trò gì với con người ?
- a. Tạo ra của cải vật chất để nuôi sống con người
 - b. Phát triển, hoàn thiện con người cả về thể lực và trí lực**

c. Giúp con người tích lũy kinh nghiệm, chế tạo ra công cụ sản xuất ngày càng tinh vi

d. Cả a,b,c

318. Đối tượng lao động là:

a. Các vật có trong tự nhiên

b. Những vật mà lao động của con người tác động vào nhằm thay đổi nó cho phù hợp với mục đích của con người

c. Những vật dùng để truyền dẫn sức lao động của con người.

d. Cả a,b,c

319. Sản xuất hàng hóa tồn tại:

a. Trong mọi xã hội

b. Trong chế độ nô lệ, phong kiến, tư bản chủ nghĩa

c. Trong các xã hội có phân công lao động xã hội và sự tách biệt về kinh tế giữa những người sản xuất

d. Chỉ có trong chủ nghĩa tư bản

320. Giá cả hàng hóa là:

a. Giá trị của hàng hóa

b. Quan hệ về lượng giữa tiền và hàng

c. Tổng của chi phí sản xuất và lợi nhuận

d. Biểu hiện bằng tiền của giá trị hàng hóa

321. Điều kiện ra đời của CNTB là :

a. Tập trung khối lượng tiền tệ đủ lớn vào một số người để lập ra các xí nghiệp

b. Xuất hiện một lớp người lao động tự do nhưng không có TLSX và các của cải khác buộc phải đi làm thuê

c. Phải thực hiện tích lũy cơ bản

d. Cả a và b

322. Quan hệ cung cầu thuộc khâu nào của quá trình tái sản xuất xã hội?

a. Sản xuất và tiêu dùng

b. Trao đổi

c. Tiêu dùng

d. Phân phối và trao đổi

323. Quan hệ giữa giá cả và giá trị. Chọn câu đúng
- a. Giá trị là cơ sở của giá cả, là yếu tố quyết định giá cả
 - b. Giá cả là hình thức biểu hiện bằng tiền của giá trị
 - c. Giá cả thị trường còn chịu ảnh hưởng của cung-cầu, giá trị của tiền
 - d. **Cả a, b, c**
324. Tư bản bất biến (c) là:
- a. Giá trị của nó chuyển dần vào sản phẩm qua khấu hao
 - b. Giá trị của nó lớn lên trong quá trình sản xuất
 - c. **Giá trị của nó không thay đổi về lượng và được chuyển nguyên vẹn vào sản phẩm**
 - d. Giá trị của nó không thay đổi và được chuyển ngay sang sản phẩm sau một chu kỳ sản xuất
325. Tư bản bất biến (c) và tư bản khả biến (v) có vai trò thế nào trong quá trình sản xuất giá trị thặng dư ?
- a. Tư bản bất biến (c) là điều kiện để sản xuất giá trị thặng dư
 - b. Tư bản khả biến là nguồn gốc của giá trị thặng dư
 - c. Cả c và v có vai trò như nhau trong quá trình tạo ra giá trị thặng dư
 - d. **Cả a và b**
326. CNTB độc quyền là ?
- a. Một phương thức sản xuất mới
 - b. **Một giai đoạn phát triển của PTSX TBCN**
 - c. Một hình thức kinh tế xã hội
 - d. Một nấc thang phát triển của LLSX
327. Nguyên nhân ra đời của CNTB độc quyền là ?
- a. Do cạnh tranh
 - b. Do khủng hoảng kinh tế
 - c. Do tác động của cuộc cách mạng khoa học công nghệ
 - d. **Cả a, b, c**
328. Xuất khẩu tư bản là:
- a. Đầu tư trực tiếp ra nước ngoài
 - b. Cho nước ngoài vay

- c. Mang hàng hóa ra nước ngoài để thực hiện giá trị
- d. Cả a và b**
329. Nguyên nhân ra đời của CNTB độc quyền nhà nước là do :
- a. Trình độ xã hội hóa cao của LLSX
- b. Do mâu thuẫn của CNTB
- c. Xu hướng quốc tế hóa
- d. Cả a, b, c**
330. Giá cả hàng hóa chịu ảnh hưởng của các nhân tố nào sau đây?
- a. Giá trị hàng hóa
- b. Giá trị của tiền
- c. Quan hệ cung-cầu về hàng hóa
- d. Tất cả các nhân tố trên**
331. Nguồn gốc của tích lũy tư bản?
- a. Giá trị thặng dư**
- b. Lực lượng sản xuất
- c. Quan hệ cung-cầu
- d. Tất cả đều đúng.
332. Ý nghĩa quan trọng nhất của việc nghiên cứu hàng hóa sức lao động?
- a. Tìm ra chìa khóa để giải quyết mâu thuẫn của công thức chung của tư bản**
- b. Phát triển kinh tế
- c. Giải quyết việc làm
- d. a và c đều đúng
333. Công thức chung của Tư bản là:
- a. $T - H' - T$
- b. $T - T - H'$
- c. $T - H - T'$**
- d. $H - T' - H$
334. Giá trị hàng hóa được hiểu như thế nào?
- a. Lao động xã hội của người sản xuất hàng hóa kết tinh trong hàng hóa**

- b. Là trình độ chuyên môn của người lao động
 - c. Chi phí sản xuất
 - d. Chi phí tiêu dùng
335. Mục đích cuối cùng của chủ sản xuất hàng hóa là:
- a. Đáp ứng nhu cầu thị trường
 - b. Cải thiện mức sống
 - c. **Lợi nhuận tối đa**
 - d. Phát triển văn hóa
336. Thế nào là phương thức sản xuất xã hội?
- xuất**
- a. **Sự kết hợp biện chứng giữa lực lượng sản xuất với quan hệ sản xuất**
 - b. Là công cụ lao động
 - c. Giới tự nhiên
 - d. Quan hệ giữa người với người trong quá trình sản xuất
337. Sự khác biệt căn bản giữa kinh tế thị trường tư bản chủ nghĩa và kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là gì?
- a. Có sự điều tiết của nhà nước
 - b. Có nhiều hình thức sở hữu đối với tư liệu sản xuất
 - c. **Nhấn mạnh vai trò chủ đạo của kinh tế nhà nước**
 - d. Có nhiều thành phần kinh tế
338. Lịch sử phát triển của nền sản xuất xã hội trải qua hai kiểu tổ chức kinh tế nào?
- a. Sản xuất giá trị thặng dư và sản xuất tự cung tự cấp
 - b. **Sản xuất tự cung tự cấp và sản xuất hàng hóa**
 - c. Quá trình trao đổi mua bán và sản xuất hàng hóa
 - d. Các phương án trên đều sai
339. Chủ nghĩa tư bản phát triển qua các giai đoạn nào?
- a. **Chủ nghĩa tự do cạnh tranh và chủ nghĩa tư bản độc quyền**
 - b. Chủ nghĩa tư bản độc quyền và chủ nghĩa đế quốc
 - c. Chủ nghĩa đế quốc và chủ nghĩa kinh nghiệm
 - d. Chủ nghĩa tư bản bất biến và chủ nghĩa tư bản khả biến

340. Kinh tế (tự nhiên) tự cung , tự cấp là:
- a. Sản xuất ra để bán
 - b. Tiêu dùng cho chính người sản xuất ra**
 - c. Tiêu dùng cho người dân
 - d. Các phương án trên đều đúng
341. Hai thuộc tính của hàng hóa là:
- a. Giá trị và giá trị trao đổi
 - b. Giá trị sử dụng và giá trị trao đổi
 - c. Giá trị và giá trị sử dụng**
 - d. Giá trị trao đổi và giá trị sử dụng
342. Sản xuất hàng hóa ra đời và tồn tại khi có mấy điều kiện?
- a. 2**
 - b. 4
 - c. 3
 - d. 5
343. Ngoài phân công lao động xã hội, sự ra đời của sản xuất hàng hóa còn dựa trên nhiều điều kiện nào?
- a. Trao đổi hàng hóa
 - b. Nhà nước ra đời
 - c. Có chế độ tư hữu hay các hình thức sở hữu khác nhau về tư liệu sản xuất**
 - d. Chủ nghĩa tư bản ra đời
344. So với kinh tế tự nhiên, kinh tế hàng hóa có những ưu thế nào?
- a. Thúc đẩy cải tiến kỹ thuật, phát triển lực lượng sản xuất, tăng năng suất lao động xã hội
 - b. Tạo nhiều hàng hóa đáp ứng nhu cầu đa dạng cho xã hội
 - c. Thúc đẩy nhanh quá trình tích tụ và tập trung sản xuất, tạo cho nền sản xuất hàng hóa lớn ra đời và phát triển
 - d. Cả a, b, c**
345. Hàng hóa là gì?
- a. Là sản phẩm của lao động

- b. **Là sản phẩm của lao động có thể thỏa mãn nhu cầu nào đó của con người thông qua trao đổi mua bán**
 - c. Là vật phẩm có thể thỏa mãn nhu cầu của con người
 - d. Cả a, b, c đều sai
346. Giá trị của hàng hóa là gì?
- a. Là công dụng của hàng hóa
 - b. Là công dụng của vật phẩm, có thể thỏa mãn nhu cầu nào đó của con người.
 - c. Là số tiền dùng để mua hàng hóa đó
 - d. **Là lao động xã hội của người sản xuất hàng hóa kết tinh trong hàng hóa**
347. Tiền tệ có mấy chức năng?
- a. **5**
 - b. 7
 - c. 6
 - d. 8
348. Quy luật kinh tế cơ bản của sản xuất hàng hóa là quy luật nào?
- a. Quy luật cung-cầu
 - b. Quy luật cạnh tranh
 - c. **Quy luật giá trị**
 - d. Quy luật phá sản
349. Quy luật giá trị có những tác dụng nào?
- a. Điều tiết sản xuất và lưu thông hàng hóa
 - b. Kích thích cải tiến kỹ thuật, phát triển lực lượng sản xuất.
 - c. Phân hóa người sản xuất
 - d. **Cả a, b, c**
350. Theo C.Mác, công thức chung của tư bản là gì?
- a. T – H
 - b. H – H – T
 - c. T – H – T
 - d. **Không có phương án nào đúng**

351. Phần giá trị dôi ra ngoài giá trị hàng hóa sức lao động do công nhân làm thuê tạo ra và bị nhà tư bản chiếm không gọi là gì ?
- a. Giá trị hàng hóa
 - b. Giá trị hàng hóa sức lao động
 - c. **Giá trị thặng dư**
 - d. Giá trị sử dụng
352. Giá trị của hàng hóa gồm những bộ phận nào?
- a. **$c+v+m$**
 - b. $c+v$
 - c. $v+m$
 - d. $c+c+m$
353. Chủ nghĩa tư bản ra đời khi có mấy điều kiện ?
- a. **2**
 - b. 4
 - c. 3
 - d. 5
354. Thực chất của quá trình tích lũy tư bản là gì ?
- a. Là quá trình tăng năng suất lao động
 - b. Là quá trình mở rộng sản xuất của nhà tư bản
 - c. Là quá trình nâng cao trình độ bóc lột sức lao động
 - d. **Là quá trình tư bản hóa giá trị thặng dư**
355. Quy luật kinh tế cơ bản của chủ nghĩa tư bản là quy luật nào ?
- a. **Quy luật giá trị thặng dư**
 - b. Quy luật tăng năng suất lao động
 - c. Quy luật mở rộng sản xuất
 - d. Quy luật tích lũy
356. Theo Lê-nin, chủ nghĩa tư bản độc quyền có mấy đặc điểm kinh tế cơ bản ?
- a. 3
 - b. **5**
 - c. 4
 - d. 6

357. Xuất khẩu tư bản là gì ?
- a. **Đầu tư tư bản ra nước ngoài**
 - b. Mang hàng hóa sang bán ở nước ngoài
 - c. Mang hàng hóa sang bán ở nước ngoài để thực hiện giá trị
 - d. Cả a, b, c đều sai
358. Kinh tế chính trị Mác – Lê nin hướng trọng tâm nghiên cứu :
- a. Mọi quan hệ giữa con người với tự nhiên trong sản xuất, phân phối, tiêu dùng dưới chủ nghĩa tư bản
 - b. **Mọi quan hệ giữa con người với con người trong sản xuất, phân phối, tiêu dùng dưới chủ nghĩa tư bản**
 - c. Mọi quan hệ giữa người với xã hội trong sản xuất, phân phối, tiêu dùng dưới chủ nghĩa tư bản
 - d. Tất cả đều đúng
359. Mục đích của sản xuất tư bản là gì ?
- a. Giúp đỡ các nước nghèo phát triển
 - b. Giải quyết số tư bản thừa trong nước
 - c. Để thực hiện giá trị
 - d. **Nhằm thu lợi nhuận độc quyền cao**
360. Chủ nghĩa tư bản có vai trò lịch sử gì ?
- a. Tạo ra những nhân tố mới thúc đẩy phát triển kinh tế
 - b. Gây ra những hậu quả nặng nề cho nhân loại
 - c. Tạo tiền đề vật chất đầy đủ và tiền đề xã hội chín mùi cho sự ra đời của xã hội mới
 - d. **Cả a, b, c đúng**
361. Chủ nghĩa tư bản thực hiện mấy phương pháp chủ yếu để sản xuất giá trị thặng dư ?
- a. **2**
 - b. 4
 - c. 3
 - d. 4
362. Phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa có những giai đoạn nào ?
- a. **Chủ nghĩa tư bản tự do cạnh tranh và chủ nghĩa tư bản độc quyền**

- b. Chủ nghĩa tư bản độc quyền và chủ nghĩa đế quốc
 - c. Chủ nghĩa tư bản độc quyền và chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước
 - d. Chủ nghĩa tư bản và chủ nghĩa tư bản độc quyền
363. Mâu thuẫn kinh tế cơ bản của chủ nghĩa tư bản là gì ?
- a. Mâu thuẫn giữa sản xuất và tiêu dùng
 - b. Mâu thuẫn giữa nhu cầu về tài nguyên với việc các nguồn tài nguyên bị cạn kiệt
 - c. **Mâu thuẫn giữa tính chất xã hội của lực lượng sản xuất với chế độ chiếm hữu tư nhân tư bản chủ nghĩa về tư liệu sản xuất**
 - d. Mâu thuẫn giữa phát triển kinh tế với việc bảo vệ môi trường
364. Biểu hiện về mặt xã hội của mâu thuẫn giữa tính chất xã hội hóa của lực lượng sản xuất với quan hệ chiếm hữu tư nhân tư bản chủ nghĩa về tư liệu sản xuất trong xã hội tư bản là gì ?
- a. **Mâu thuẫn giữa giai cấp công nhân và giai cấp tư sản**
 - b. Mâu thuẫn giữa các nhà nước tư bản với nhau
 - c. Mâu thuẫn giữa giai cấp tư sản với giai cấp nông dân
 - d. Mâu thuẫn giữa các nhà tư bản độc quyền
365. Ngoài phân công lao động xã hội, sự ra đời của sản xuất hàng hóa còn dựa trên điều kiện nào ?
- a. Trao đổi hàng hóa
 - b. Nhà nước ra đời
 - c. **Có chế độ tư hữu hay các hình thức sở hữu khác nhau về tư liệu sản xuất**
 - d. Chủ nghĩa tư bản ra đời
366. Sự phân chia tư bản thành tư bản bất biến và tư bản khả biến là để biết :
- a. Đặc điểm chuyển giá trị của từng loại tư bản vào sản phẩm
 - b. Vai trò của lao động quá khứ và lao động sống trong việc tạo ra giá trị sử dụng
 - c. **Nguồn gốc giá trị thặng dư**
 - d. Cả a, b, c đúng
367. **Khối lượng giá trị thặng dư phản ánh:**
- a. Trình độ bóc lột của tư bản đối với công nhân.
 - b. **Quy mô bóc lột của tư bản đối với công nhân.**

- c. Phạm vi bóc lột của tư bản đối với công nhân.
 - d. Quy mô và phạm vi bóc lột của tư bản đối với công nhân
- 368. Hãy cho biết biện pháp cơ bản để có giá trị thặng dư siêu ngạch?**
- a. **Tăng năng suất lao động cá biệt cao hơn năng suất lao động xã hội.**
 - b. Vừa kéo dài ngày lao động vừa tăng năng suất lao động cá biệt.
 - c. Tăng năng suất lao động xã hội.
 - d. Tăng cường độ lao động.
- 369. Nhận xét nào dưới đây là đúng về tỷ suất giá trị thặng dư. Tỷ suất giá trị thặng dư phản ánh ?**
- a. **Trình độ bóc lột đối với lao động làm thuê**
 - b. Hiệu quả của tư bản
 - c. Ngày lao động được chia làm hai phần : Lao động cần thiết và lao động thặng dư theo tỷ lệ nào
 - d. Cả a,b,c đúng
- 370. Hãy nêu mâu thuẫn giữa giá trị sử dụng và giá trị thể hiện trong mục đích và sự quan tâm của người sản xuất trong toàn bộ hoạt động sản xuất hàng hóa của anh ta?**
- a. Giá trị và giá trị sử dụng cùng tồn tại bên trong hàng hóa mà người sản xuất tạo ra.
 - b. **Mục đích của người sản xuất là giá trị nhưng để có giá trị họ phải quan tâm đến giá trị sử dụng.**
 - c. Mục đích của người sản xuất là giá trị sử dụng nhưng để có giá trị sử dụng họ phải quan tâm đến giá trị.
 - d. Cả a, b, và c
- 371. Đặc điểm nào dưới đây thuộc phạm trù giá trị thặng dư tuyệt đối ?**
- a. **Kéo dài ngày lao động còn thời gian lao động cần thiết không đổi**
 - b. Sử dụng kỹ thuật tiên tiến, cải tiến tổ chức quản lý
 - c. Tăng năng suất lao động
 - d. Cả a,b,c đúng
- 372. Tiền tệ cũng là một loại hàng hóa nhưng đặc trưng nào làm cho nó trở nên đặc biệt so với các loại hàng hóa khác?**
- a. **Nó được dùng làm thước đo giá trị.**

- b. Nó có thể tạo ra lượng giá trị lớn hơn chính bản thân nó sau khi sử dụng.
 - c. **Giá trị và giá trị sử dụng của nó không bị mất đi sau khi sử dụng.**
 - d. Cả a, b, và c đúng
373. Mệnh đề nào đúng trong các mệnh đề sau :
- a. Sản xuất và phân phối tồn tại độc lập với nhau
 - b. Phân phối thụ động do sản xuất quyết định
 - c. Phân phối quyết định đến qui mô và cơ cấu của sản phẩm
 - d. **Sản xuất quyết định phân phối, phân phối có tác động tích cực trở lại với sản xuất**
374. Ý kiến nào đúng về lao động trù tượng ?
- a. Là phạm trù riêng của CNTB
 - b. **Là phạm trù của mọi nền kinh tế hàng hóa**
 - c. Là phạm trù riêng của kinh tế thị trường
 - d. Là phạm trù chung của mọi nền kinh tế
375. Khi năng suất lao động tăng sẽ xảy ra các trường hợp sau đây. Trường hợp nào dưới đây không đúng ?
- a. Số lượng hàng hóa làm ra trong một đơn vị thời gian tăng lên
 - b. **Tổng giá trị hàng hóa cũng tăng**
 - c. Tổng giá trị hàng hóa không đổi
 - d. Giá trị một đơn vị hàng hóa giảm
376. Khi tăng cường độ lao động sẽ xảy ra các trường hợp sau đây. Trường hợp nào dưới đây là đúng ?
- a. **Số lượng hàng hóa làm ra trong một đơn vị thời gian tăng**
 - b. Số lượng lao động hao phí trong thời gian đó không đổi
 - c. Giá trị một đơn vị hàng hóa tăng lên
 - d. Cả a,b,c đúng
377. Khi nghiên cứu phương thức sản xuất TBCN, Mác bắt đầu từ :
- a. Nền sản xuất của cải vật chất
 - b. Công thức chung của tư bản
 - c. **Sản xuất hàng hóa giản đơn và hàng hóa**
 - d. Quá trình sản xuất giá trị thặng dư

378. Lợi nhuận là :
- a. Tỷ lệ phần lãi trên tổng số tư bản
 - b. Là tiền công mà doanh nhân tự trả cho công nhân
 - c. **Là hình thức biến tướng của giá trị thặng dư**
 - d. Là hiệu số giữa giá trị hàng hóa và chi phí sản xuất
379. Qui luật giá trị biểu hiện sự vận động thông qua sự vận động của :
- a. **Giá cả hàng hóa**
 - b. Giá cả độc quyền
 - c. Giá cả sản xuất
 - d. Cả a,b,c đúng
380. Trong các mệnh đề dưới đây, hãy chọn ý đúng:
- a. **Giá trị hàng hóa do lao động sống và lao động quá khứ hợp thành**
 - b. Lao động sống tạo ra giá trị thặng dư
 - c. Lao động sống là nguồn gốc của giá trị thặng dư và giá trị
 - d. Cả a,b,c đúng
381. Sự phân chia giá trị thặng dư giữa tư bản công nghiệp và tư bản thương nghiệp dựa vào đâu ?
- a. Khối lượng giá trị thặng dư
 - b. Tỷ suất lợi nhuận
 - c. Tỷ suất giá trị thặng dư
 - d. **Tỷ suất lợi nhuận bình quân**
382. Cơ chế kinh tế của CNTB độc quyền nhà nước gồm :
- a. Cơ chế thị trường và độc quyền tư nhân
 - b. Độc quyền tư nhân và sự điều tiết của nhà nước
 - c. **Cơ chế thị trường, độc quyền tư nhân và sự can thiệp của nhà nước**
 - d. Cơ chế thị trường và sự điều tiết của nhà nước
383. CNTB độc quyền nhà nước là :
- a. **Một quan hệ kinh tế, chính trị, xã hội**
 - b. Một chính sách trong giai đoạn độc quyền
 - c. Một kiểu tổ chức kinh tế - xã hội

- d. Một cơ chế điều tiết của nhà nước tư sản
384. Khi năng suất lao động tăng lên, giá trị một đơn vị sản phẩm sẽ :
- a. Không đổi.
 - b. Tăng.
 - c. **Giảm.**
 - d. a và c đúng.
385. Quy luật giá trị là gì ?
- a. **Quy luật kinh tế cơ bản của kinh tế hàng hóa**
 - b. Quy luật kinh tế cơ bản của chủ nghĩa tư bản
 - c. Quy luật chung của các hình thái kinh tế xã hội
 - d. Quy luật tự nhiên
386. Giá cả lớn hơn giá trị khi :
- a. **Cung nhỏ hơn cầu**
 - b. Cung bằng cầu
 - c. Cung lớn hơn cầu
 - d. Cả a,b,c đều sai
387. Khi năng suất lao động tăng lên, số lượng sản phẩm sản xuất ra trong một đơn vị thời gian sẽ :
- a. Không đổi
 - b. **Tăng**
 - c. Giảm
 - d. Cả a,b,c đều sai
388. Giá trị sử dụng là gì ?
- a. Là công dụng của vật có thể thỏa mãn nhu cầu nào đó của con người
 - b. Là tính hữu ích của vật
 - c. Là thuộc tính tự nhiên của vật
 - d. **Cả a,b,c đều đúng**
389. Giá trị hàng hóa được tạo từ đâu?
- a. **Từ sản xuất**
 - b. Từ trao đổi
 - c. Từ phân phối

- d. Từ tiêu dùng
390. Quy luật giá trị có yêu cầu gì?
- Sản xuất và lưu thông hàng hóa phải dựa trên cơ sở hao phí lao động xã hội cần thiết
 - Lưu thông hàng hóa dựa trên nguyên tắc ngang giá
 - Hao phí lao động cá biệt phải nhỏ hơn hoặc bằng với mức hao phí lao động xã hội cần thiết
 - Cả a,b,c đều đúng**
391. Bản chất của tiền tệ là gì?
- Là hàng hóa đặc biệt, làm vật ngang giá chung cho các hàng hóa khác
 - Thể hiện lao động xã hội kết tinh trong hàng hóa
 - Phản ánh quan hệ kinh tế giữa những người sản xuất hàng hóa với nhau
 - Cả a,b,c đều đúng**
392. Nhận xét về giá trị thặng dư tương đối và giá trị thặng dư siêu ngạch, ý nào dưới đây là đúng?
- Đều dựa trên cơ sở tăng năng suất lao động
 - Giá trị thặng dư tương đối dựa trên cơ sở tăng năng suất lao động xã hội còn giá trị thặng dư siêu ngạch dựa trên cơ sở tăng năng suất lao động cá biệt**
 - Giá trị thặng dư siêu ngạch có thể chuyển thành giá trị thặng dư
 - Cả a,b,c đều đúng
393. Khi hàng hóa đúng bằng giá trị thì:
- $p < m$
 - $p > m$
 - $p = m$**
 - $p = 0$
394. Tư bản cố định là:
- Các tư liệu sản xuất chủ yếu như nhà xưởng, máy móc, giá trị của nó chuyển dần sang sản phẩm**
 - Các tư liệu sản xuất chủ yếu như nhà xưởng, máy móc
 - Công cụ lao động

- d. Tư liệu lao động
395. Nhân tố nào ảnh hưởng đến lượng giá trị hàng hóa ?
- a. **Năng suất lao động**
- b. Các điều kiện tự nhiên
- c. Cường độ lao động
- d. Cả a,b,c
396. Tư bản lưu động là :
- a. Sức lao động, nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu...
- b. Tham gia từng phần vào sản xuất
- c. Giá trị của nó chuyển hết sang sản phẩm sau một chu kỳ sản xuất
- d. **Cả a,b,c**
397. Tỷ suất giá trị thặng dư phản ánh điều gì ?
- a. Hiệu quả của tư bản
- b. Chỉ cho nhà tư bản biết nơi đầu tư có lợi
- c. **Trình độ bóc lột của nhà tư bản đối với công nhân làm thuê**
- d. Hiệu quả kinh tế
398. Chọn ý đúng về hàng hóa sức lao động :
- a. Nó tồn tại trong con người
- b. Có thể mua bán nhiều lần
- c. Giá trị sử dụng của nó có khả năng tạo ra giá trị mới
- d. **Cả a,b,c**
399. Giá trị thặng dư là gì ?
- a. Lợi nhuận thu được của người sản xuất kinh doanh
- b. Giá trị của tư bản tăng lên
- c. **Phần giá trị mới dôi ra ngoài giá trị sức lao động do công nhân làm thuê tạo ra**
- d. Hiệu số giữa giá trị hàng hóa và chi phí sản xuất tư bản chủ nghĩa
400. Cơ sở chung của giá trị thặng dư tương đối và giá trị thặng dư siêu ngạch :
- a. Tăng năng suất lao động cá biệt
- b. **Tăng năng suất lao động**
- c. Tăng năng suất lao động xã hội

- d. Giảm giá trị sức lao động
401. Nhận xét về giá trị thặng dư tương đối và giá trị thặng dư siêu ngạch, ý nào dưới đây là đúng ?
- a. **Giá trị thặng dư tương đối dựa trên cơ sở tăng năng suất lao động xã hội còn giá trị thặng dư siêu ngạch dựa trên cơ sở tăng năng suất lao động cá biệt**
- b. Đều dựa trên cơ sở tăng năng suất lao động
- c. Giá trị thặng dư siêu ngạch có thể chuyển hóa thành giá trị thặng dư
- d. Cả a,b,c
402. Phương pháp sản xuất giá trị thặng dư tuyệt đối là:
- a. Sử dụng kỹ thuật tiên tiến, cải tiến tổ chức quản lý
- b. Tiết kiệm chi phí sản xuất
- c. **Kéo dài thời gian của ngày lao động còn thời gian lao động cần thiết không đổi**
- d. Cả a,b,c
403. Những ý kiến dưới đây về phương pháp sản xuất giá trị thặng dư tương đối, ý kiến nào đúng?
- a. **Ngày lao động không đổi**
- b. Thời gian lao động cần thiết và giá trị sức lao động không đổi
- c. Hạ thấp giá trị sức lao động
- d. Cả a,b,c
404. Trong giai đoạn CNTB tự do cạnh tranh quy luật giá trị thặng dư biểu hiện thành:
- a. Quy luật giá cả sản xuất
- b. **Quy luật tỷ suất lợi nhuận bình quân**
- c. Quy luật tỷ suất lợi nhuận độc quyền cao
- d. Quy luật tích lũy tư bản
405. Trong CNTB độc quyền, qui luật giá trị có hình thức biểu hiện là gì ?
- a. **Quy luật giá cả độc quyền**
- b. Quy luật giá cả sản xuất
- c. Quy luật lợi nhuận độc quyền
- d. Quy luật lợi nhuận bình quân

406. Nhân tố nào dưới đây không ảnh hưởng đến tỷ suất lợi nhuận ?
- a. **Cạnh tranh**
 - b. Tỷ suất giá trị thặng dư
 - c. Cấu tạo hữu cơ của tư bản
 - d. Tốc độ chu chuyển của tư bản
407. Nhà kinh điển nào sau đây nghiên cứu sâu về CNTB độc quyền ?
- a. C.Mác
 - b. **VI.Lênin**
 - c. C.Mác và Ăngghen
 - d. Ph.Ăngghen
408. Kết quả cạnh tranh trong nội bộ ngành :
- a. Hình thành giá cả sản xuất
 - b. Hình thành tỷ suất lợi nhuận bình quân
 - c. **Hình thành giá trị thị trường**
 - d. Hình thành lợi nhuận bình quân
409. Trong giai đoạn CNTB tự do cạnh tranh, qui luật giá trị có hình thức biểu hiện gì?
- a. Qui luật giá cả thị trường
 - b. **Qui luật giá cả sản xuất**
 - c. Qui luật lợi nhuận bình quân
 - d. Qui luật giá cả độc quyền
410. CNTB độc quyền xuất hiện vào thời kỳ lịch sử nào ?
- a. Từ sau chiến tranh thế giới thứ hai
 - b. Cuối thế kỷ XVII đến đầu thế kỷ XIX
 - c. Cuối thế kỷ XVIII đến đầu XIX
 - d. **Cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX**